

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Khắc Vũ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Kơ - Kiểm sát viên.

Ngày 23-8-2022, tại trụ sở TAND huyện Ea H'Leo, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/TLST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2022, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐ-ST ngày 01/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Kim L; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: 05 T, tổ dân phố A, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Võ Văn T, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 28/3/2022, bà Hà Thị Kim L trình bày: Vào ngày 24/3/2020 tôi có cho ông T vay số tiền 340.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 03 ngày, ông T phải trả cho tôi số nợ trên. Đến hạn ông T không trả nợ cho tôi. Tôi đã điện thoại và trực tiếp gặp ông T nhiều lần để yêu cầu ông T trả nợ, nhưng ông T trốn tránh không chịu trả tiền, còn thách thức tôi ra pháp luật. Hiện nay ông T còn nợ tôi 340.000.000 đồng nợ gốc. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu ông T trả cho tôi 340.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày: Tính đến ngày 15/5/2022, ông T còn nợ tôi 428.400.000 đồng, trong đó 340.000.000 đồng nợ gốc, 88.400.000 đồng nợ lãi (lãi tạm tính từ ngày vay 24/3/2020 đến ngày 15/5/2022, theo mức 1%/tháng/nợ gốc). Vào ngày 30/01/2022 ông T có trả cho tôi 20.000.000 đồng; ngày 13/5/2022 ông T có trả cho tôi 150.000.000 đồng, tổng cộng ông T trả cho tôi được

170.000.000 đồng. Hiện nay ông T còn nợ tôi 258.400.000 đồng, trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi là 88.400.000 đồng. Nay tôi yêu cầu ông T trả cho tôi toàn bộ số nợ trên và tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 13/5/2022 đến khi trả xong nợ theo quy định của nhà nước.

Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông T phải trả cho bà số nợ gốc còn lại là 170.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ thời điểm bà khởi kiện lần đầu để yêu cầu ông T thanh toán nợ cho bà là ngày 29/6/2021, cho đến khi ông T thanh toán dứt điểm nợ cho bà.

2. Quá trình giải quyết vụ án lời khai của ông Tùng thể hiện:

Vào ngày 24/3/2020 tôi có vay bà L, tên thường gọi là bà Trúc 340.000.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vào ngày 30/01/2022 tôi có trả cho bà L 20.000.000 đồng; ngày 13/5/2022 tôi có trả cho bà L 150.000.000 đồng, tổng cộng tôi đã trả cho bà L được 170.000.000 đồng nợ gốc, hiện nay tôi còn nợ bà L 170.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền và cam kết trả nợ, trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ, mà chỉ ghi số tiền vay. Giấy vay tiền do tôi viết và ký, quá trình giải quyết vụ án tôi có được nhận bản phô tô giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề ngày 24/3/2020, bà L nộp kèm theo đơn khởi kiện, tại về phần thời hạn trả nợ không ghi nội dung gì. Tuy nhiên tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ ngày 08/7/2022, thì bản chính giấy vay tiền do bà L cung cấp có ghi thời hạn vay kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2020 đến ngày 04 tháng 03 năm 2020, nội dung này không phải do tôi viết, mà nội dung này đã được ghi thêm vào giấy vay, do khi viết giấy phần hàng kẻ trống không gạch. Song, tôi không yêu cầu trưng cầu giám định phần chữ viết ghi thêm vào phần thời hạn trả nợ. Thực chất số tiền vay 340.000.000 đồng đã bao gồm cả gốc và lãi suất, nhưng khi viết giấy vay không thể hiện rõ nội dung này, nên tôi không có chứng cứ chứng minh.

Nay tôi thừa nhận còn nợ bà Loan 170.000.000 đồng nợ gốc, tôi chấp nhận trả cho bà Loan số nợ trên. Do khi vay không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên tôi chỉ chấp nhận trả lãi suất cho bà L từ ngày bà L khởi kiện vụ án đến khi trả dứt điểm nợ cho bà L, mức lãi suất theo quy định của pháp luật, đối với loại hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi không có khả năng trả nợ một lần mà xin trả làm ba lần trong ba năm, mỗi năm trả 1/3 số nợ trên.

3. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

3.1 Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc ông T phải trả cho bà L 170.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

3.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt ông Võ Văn T là bị đơn trong vụ án. Đây là phiên tòa lần hai, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục phiên tòa.

[3] Về nội dung:

Ngày 24/3/2020, bà L cho ông T vay 340.000.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Mặc dù bà L đã yêu cầu ông T trả nợ cho bà nhiều lần, nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số nợ nói trên và lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận, ngày 30/01/2022 ông T đã trả cho bà L 20.000.000 đồng; ngày 13/5/2022 ông T đã trả cho bà L 150.000.000 đồng, tổng cộng ông T đã trả cho bà L 170.000.000 đồng, hiện nay ông T còn nợ bà L 170.000.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông T phải trả cho bà số nợ gốc còn lại là 170.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ thời điểm bà khởi kiện lần đầu để yêu cầu thanh toán nợ cho bà là ngày 29/6/2021 cho đến khi ông T thanh toán dứt điểm nợ cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận ông có vay bà Loan 340.000.000 đồng khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Ông đã trả cho bà L 170.000.000 đồng, hiện nay còn nợ bà L 170.000.000 đồng, ông chấp nhận trả cho bà L số nợ trên nhưng xin trả làm nhiều lần. Về nợ lãi, ông T cho rằng khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, nên ông chấp nhận trả lãi suất cho bà L theo quy định của pháp luật, tính từ ngày bà khởi kiện vụ án cho đến khi trả dứt điểm nợ cho bà L.

Nhận thấy hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà L và ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, nhưng ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh

toán. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho bà L số nợ còn lại là 170.000.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

Về nợ lãi: Quá trình giải quyết vụ án bà L và ông T đều xác định khi giao kết hợp đồng vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Về thời hạn trả nợ, bà L cho rằng, khi vay hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 ngày kể từ ngày vay, ông T cho rằng khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai đề ngày 28/3/2022 bà L trình bày “...Ông T hứa sẽ trả lại cho tôi số tiền trên trong vòng ba ngày kể từ vay”. Tại giấy vay tiền và cam kết trả nợ bản phô tô do bà L nộp cùng với đơn khởi kiện không ghi thời hạn trả nợ. Tuy nhiên tại bản chính giấy vay tiền và cam kết trả nợ do bà L giao nộp chứng cứ ngày 10/6/2022, có ghi “ thời hạn vay kể từ ngày 24/3/2020 đến ngày 04/03/2020”. Như vậy lời trình bày của bà L về thời hạn vay, tài liệu chứng cứ bà L nộp kèm đơn khởi kiện so với tài liệu chứng cứ gốc bà L giao nộp có sự mâu thuẫn. Ông T thừa nhận chữ ký và chữ viết tại giấy vay tiền và cam kết trả nợ là chữ ký và chữ viết của ông, song ông không thừa nhận nội dung giấy vay tiền có ghi thời hạn trả nợ, giấy vay tiền do ông viết, nội dung này là do ghi thêm. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu giám định nội dung trên.

Nhận thấy, mặc dù bản gốc giấy vay tiền ghi thời hạn vay, nhưng ghi kể từ ngày 24/3/2020 đến ngày 04/03/2020 là không phù hợp. Do đó cần xác định hợp đồng vay tiền và cam kết trả nợ được ký kết giữa bà L và ông T là hợp đồng không xác định thời hạn và không có lãi suất. Ông T xác định đây là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Do đó, ông chấp nhận chịu lãi suất kể từ ngày bà L khởi kiện, theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo bà L trình bày, cũng như tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định ngày 29/6/2021 Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện bà L kiện ông T, yêu cầu ông T thanh toán cho bà L số nợ 340.000.000 đồng nói trên, đã được Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo thụ lý vụ án số: 347/2021/TLST-DS ngày 12/7/2021. Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày, do ông T hện trả nợ cho bà số nợ trên, nên bà rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số: 163/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021. Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm bà L khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số nợ trên cho bà L đã được Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo thụ lý đơn khởi kiện vào ngày 29/6/2021. Vì vậy, nay bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi suất đối với khoản nợ nói trên theo mức lãi suất pháp luật quy định, kể từ ngày bà khởi kiện vụ án yêu cầu ông T trả nợ cho bà là phù hợp, cần chấp nhận. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

Nợ lãi tính từ ngày 29/6/2021 đến ngày ông T thanh toán cho bà L số nợ 20.000.000 đồng (30/01/2022) là:

$(340.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%) \times 07 \text{ tháng} = 19.825.400 \text{ đồng}.$

Nợ lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày ông T thanh toán cho bà L số nợ 150.000.000 đồng (13/5/2022) là:

$(320.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%) \times 03 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 9.063.000 \text{ đồng}.$

Nợ lãi tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/8/2022) là:

$(170.000.000 \text{ đồng} \times 0,833) \times 03 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 4.673.100 \text{ đồng}$

Tổng số nợ lãi ông T phải trả cho bà L là 33.561.500 đồng,

Như vậy, tổng số tiền ông T phải trả cho bà L là 203.561.500 đồng, trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi là 33.561.500 đồng, lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đề nghị được thanh toán nợ cho bà L nhiều lần, xong bà L không đồng ý, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc ông T phải trả cho bà L số nợ là 203.561.500 đồng, trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi là 33.561.500 đồng (Lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2022).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: $203.561.500 \text{ đồng} \times 5\% = 10.178.000 \text{ đồng}$. Trả lại cho L 8.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000747, ngày 01/3/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 147; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim L, buộc ông Võ Văn T phải trả cho bà Hà Thị Kim L 203.561.500 (Hai trăm linh ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm) đồng, trong đó nợ gốc là 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng, nợ lãi là 33.561.500 (ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm) đồng. (Lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu 10.178.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Hà Thị Kim L 8.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000747, ngày 01/3/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Huyện Ea H'Leo;
- THA.DS Huyện EH;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Phụng

